|  |  |
| --- | --- |
| **UBND TỈNH HÀ TĨNH**  **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  Số: /QĐ-SKHCN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2019* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm mang nhãn hiệu**

**chứng nhận "Hà Tĩnh" dùng cho sản phẩm kẹo cu đơ của tỉnh Hà Tĩnh**

**GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/06/2013;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005; Luật sữa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ ngày 19/06/2009;

Căn cứ Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt dự án “Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Hà Tĩnh” dùng cho sản phẩm kẹo Cu đơ của tỉnh Hà Tĩnh”;

Xét đề nghị của Công ty TNHH phát triển tài sản trí tuệ Việt và của Trưởng phòng Quản lý công nghệ - Chuyên ngành,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận "Hà Tĩnh" dùng cho sản phẩm kẹo cu đơ của tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Sở; Trưởng phòng Quản lý công nghệ - Chuyên ngành; Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như điều 2;  - UBND tỉnh (để b/c)  - Lưu: VT, CN-SHTT. | **GIÁM ĐỐC**  **Đỗ Khoa Văn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND TỈNH HÀ TĨNH**  **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY TRÌNH**

**Kiểm soát chất lượng sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận "Hà Tĩnh" dùng cho sản phẩm kẹo cu đơ của tỉnh Hà Tĩnh**

(*Ban hành theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày tháng năm 2019*

*của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Hà Tĩnh*)

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Mục tiêu**

1. Quy định trình tự, thủ tục và hướng dẫn thực hiện công tác kiểm soát chất lượng đối với sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Hà Tĩnh”.

2. Góp phần ổn định và từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Hà Tĩnh”, duy trì và phát triển thương hiệu “Hà Tĩnh” cho sản phẩm kẹo cu đơ.

**Điều 2. Phạm vi điều chỉnh**

Quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm kẹo cu đơ (sau đây gọi tắt là "Quy trình") quy định nguyên tắc, nội dung kiểm soát các khâu chuẩn bị, sản xuất, đóng gói và bảo quản sản phẩm kẹo cu đơ mang thương hiệu “Hà Tĩnh”.

**Điều 3. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất và kinh doanh sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “ Kẹo cu đơ Hà Tĩnh”.

**Chương II**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 4. Nguyên tắc kiểm soát**

1. Nguyên tắc công khai, minh bạch: các hoạt động kiểm soát phải được thực hiện công khai, với sự có mặt đối tượng kiểm soát. Kết quả kiểm soát phải được lập thành văn bản.

2. Các hoạt động kiểm soát của tổ chức quản lý nhãn hiệu chứng nhận được tiến hành sau khi đã thực hiện việc hướng dẫn và tập huấn đầy đủ cho các chủ thể sản xuất và kinh doanh sản phẩm kẹo cu đơ về các quy trình, quy chế nhằm đảm bảo sản phẩm đáp ứng các tiêu chí tính chất và chất lượng đặc thù theo quy định.

**Điều 5. Các tiêu chí kiểm soát**

1. Kiểm soát về chất lượng sản phẩm;

2. Kiểm soát về quy trình sản xuất;

3. Kiểm soát việc đóng gói, bảo quản, gắn nhãn;

4. Kiểm soát việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận;

5. Kiểm soát lưu thông sản phẩm.

**Điều 6. Tổ chức kiểm soát**

Phòng Quản lý công nghệ - Chuyên ngành chủ trì phối hợp với các cơ quan hữu quan thực hiện việc kiểm soát. Thành phần tham gia kiểm soát gồm: Đại diện Sở KH&CN, đại diện ngành Công thương, Y tế, đại diện chính quyền địa phương. Trong trường hợp cần thiết có thể mời đại diện của các cơ quan chuyên môn tham gia kiểm soát.

**Điều 7. Quy trình và nội dung kiểm soát**

1. Kiểm soát về chất lượng sản phẩm

a) Lấy mẫu

- Phương pháp lấy mẫu: mẫu sản phẩm được lấy ngẫu nhiên;

- Số lượng mẫu: tối thiểu là 3 mẫu, tùy theo quy mô sản xuất, kinh doanh của đối tượng kiểm soát. Mỗi mẫu ít nhất là 1kg;

- Thời điểm lấy mẫu: theo đợt kiểm tra và tiến hành trực tiếp tại thời điểm Đoàn kiểm tra

- Mẫu phải được đóng gói, bảo quản cẩn thận và được đánh số, ghi nhãn theo quy định (trên nhãn phải ghi rõ tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; thời gian lấy mẫu; số lượng mẫu).

b) Đánh giá cảm quan

- Các thành viên tham gia kiểm soát thực hiện việc đánh giá cảm quan theo các tiêu chí đã quy định;

- Các thành viên độc lập đánh giá bằng cách cho điểm vào phiếu đánh giá. Kết quả đánh giá chung là kết quả trung bình của các thành viên tham gia kiểm soát.

c) Phân tích các chỉ tiêu lý hóa

Việc phân tích các chỉ tiêu lý hóa được thực hiện bởi cơ quan chuyên môn và được tiến hành trong những trường hợp sau:

- Phân tích một số mẫu ngẫu nhiên nhằm đánh giá tình hình chất lượng sản phẩm toàn vùng, từ đó có những biện pháp quản lý thích hợp nhằm duy trì, nâng cao chất lượng sản phẩm, giữ gìn uy tín thương hiệu “ Kẹo cu đơ Hà Tĩnh”;

- Để đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chí chứng nhận của sản phẩm của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đã được cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận;

- Phục vụ việc khiếu nại, tố cáo về chất lượng sản phẩm.

d) Xét nghiệm các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm

Việc kiểm soát các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm được thực hiện trước tiên từ việc kiểm soát sự tuân thủ quy trình sản xuất trên cơ sở đánh giá theo sổ sách ghi chép của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Việc xét nghiệm các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm chỉ tiến hành trong các trường hợp:

- Đối tượng kiểm soát không có sổ sách ghi chép hoặc có nhưng không rõ ràng; việc ghi chép không được thực hiện thường xuyên, liên tục, không đủ tin cậy để đánh giá;

- Khi bị khiếu nại, tố cáo là có sử dụng các loại hóa chất không rõ nguồn gốc;

- Xét nghiệm các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm nhằm phục vụ việc đánh giá tổng quan về tình hình an toàn thực phẩm, từ đó tìm ra các biện pháp quản lý và kiểm soát cần thiết, khả thi.

2. Kiểm soát về quy trình sản xuất

a) Nội dung kiểm soát

- Kiểm soát việc sử dụng nguyên liệu;

- Kiểm soát quy trình sản xuất;

- Kiểm soát về quy trình bảo quản sản phẩm;

b) Cơ sở dữ liệu

Cơ sở để tiến hành kiểm soát là hệ thống sổ sách ghi chép (nhật ký theo dõi) của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong quá trình sản xuất.

c) Cơ sở kiểm soát

- Về nguyên liệu: Nguyên liệu đầu vào, nước, phụ gia (nếu có)... phải có nguồn gốc rõ ràng, đáp ứng các quy định của Pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Mọi sai lệch trong quá trình sản xuất phải được phát hiện và điều chỉnh kịp thời nhằm đảm bảo duy trì tính chất, chất lượng đặc trưng của sản phẩm “ Kẹo cu đơ Hà Tĩnh”.

3. Kiểm soát việc đóng gói, bảo quản, gắn nhãn

a) Nội dung kiểm soát

Kiểm soát việc đóng gói, bảo quản và gắn nhãn trên sản phẩm trước khi lưu thông trên thị trường.

b) Cơ sở kiểm soát

- Kiểm soát việc đóng gói, bảo quản: thực hiện theo quy trình đóng gói, bảo quản;

- Kiểm soát việc gắn nhãn: thực hiện theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn về gắn tem nhãn.

**Điều 8. Kết quả đánh giá**

Kết quả kiểm soát phải được lập thành văn bản và được báo cáo với tổ chức quản lý để phục vụ cho các công việc sau đây:

- Ngăn chặn và xử lý kịp thời những trường hợp sản phẩm không đáp ứng các chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “ Kẹo cu đơ Hà Tĩnh”;

- Có kế hoạch và biện pháp thích hợp nhằm duy trì tính chất, chất lượng đặc trưng của sản phẩm “ Kẹo cu đơ Hà Tĩnh”.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 9. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc sở Khoa học và Công nghệ giao Thanh tra sở, Phòng Quản lý công nghệ - Chuyên ngành thực hiện chức năng thường trực của tổ chức chứng nhận NHCN "Hà Tĩnh" cho sản phẩm kẹo cu đơ, có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc sở, thu hồi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại Giấy chứng nhận theo Quy trình này và các quy định liên quan.

2. Các cơ sở sản xuất và kinh doanh kẹo cu đơ có nhiệm vụ phối hợp với cơ quan thường trực trong việc thực hiện Quy trình này.

3. Trong quá trình thực hiện, Quy trình này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **GIÁM ĐỐC**  **Đỗ Khoa Văn** |

**SỔ GHI CHÉP**

**Sản xuất, tiêu thụ sản phẩm kẹo cu đơ mang**

**nhãn hiệu chứng nhận "Hà Tĩnh"**

**Tên tổ chức/cá nhân:**

**Năm:**

**THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....................................................................................................

2. Họ và tên người đại diện (nếu là tổ chức):.................................................................

3. Địa chỉ:.......................................................................................................................

4. Điện thoại:......................................Fax:........................................................................

5. Email:............................................................................................................................

6. Quy mô sản xuất:................……………………………..…………………………..

7. Nguồn nguyên liệu: ………………………………………………………………….

8. Thời gian sản xuất: ………………………………………...………………………..

**CÁC BIỂU MẪU GHI CHÉP**

**Biểu 1: Đánh giá điều kiện sản xuất**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điều kiện** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (7) |
| 1 | Quy mô sản xuất | (Kg) |  |  |
| 2 | Số lao động | Người |  |  |
| - | Trong đó: Lao động kỹ thuật | Người |  |  |
| 3 | Vốn chủ sở hữu | Triệu đ |  |  |
| 4 | Vốn vay | Triệu đ |  |  |
| 5 | Khác … |  |  |  |

**Biểu 2: Dụng cụ sản xuất**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên dụng cụ sản xuất** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |
| 9 |  |  |  |  |
| 10 |  |  |  |  |

**Biểu 3: Sản xuất sản phẩm là thành phẩm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày, tháng, năm** | **Loại** | **Địa chỉ sản xuất** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**Biểu 4: Tiêu thụ sản phẩm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày, tháng, năm** (1) | **Tên sản phẩm**  (2) | **Người mua,**  **địa chỉ**  (4) | **Số lượng** (5) | |
| **Có tem, nhãn** | **Không tem, nhãn** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**Biểu 5: Tập huấn cho người lao động**

Ngày, tháng, năm tập huấn: ……………………………………………………………..

Nội dung tập huấn: ……………………………………………………………………...

Đơn vị tổ chức: ………………………………………………………………………….

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên người được tập huấn** | **Đơn vị** | **STT** | **Tên người được tập huấn** | **Đơn vị** |
| (1) | (2) | (3) | (1) | (2) | (3) |
|  |  |  |  |  |  |